

ĐỀ ÁN
Xây dựng trường học thông minh gắn với dạy học song ngữ
trên địa bàn thành phố Đồng Xoài giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ của UBND thành phố)

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang tác động toàn diện, sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia, địa phương. Bản chất của CMCN 4.0 chính là sự ứng dụng công nghệ, khoa học dữ liệu và sử dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh và đời sống... đem lại nhiều điều kiện thuận lợi, giúp con người khám phá nhiều tri thức mới, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức song hành với các thời cơ, buộc các cấp ủy, chính quyền, các ngành phải thay đổi cho phù hợp, trong đó ngành giáo dục chịu sự tác động lớn nhất, đòi hỏi cần phải điều chỉnh, đổi mới nội dung giáo dục, phương pháp dạy học. Cùng với đó, từ đầu năm 2020 sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 thì việc dạy học trực tuyến và ứng dụng rộng rãi công cụ hỗ trợ của công nghệ số đã thay đổi lớn đến hoạt động, việc dạy và học tại các cơ sở giáo dục, đồng thời cũng đặt ra rất nhiều vấn đề khiến các nhà lãnh đạo, quản lý, giáo viên (GV) phải chú trọng hơn đến giáo dục thông minh, xây dựng trường học thông minh (THTM), lớp học thông minh (LHTM) gắn với dạy học song ngữ (DHSN) nhằm thích ứng với xu hướng chuyển đổi số, hội nhập Quốc tế hiện nay.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đồng Xoài lần thứ V, nhiệm kỳ 2020 - 2025, UBND thành phố ban hành **“Đề án xây dựng trường học thông minh gắn với dạy học song ngữ trên địa bàn thành phố Đồng Xoài giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030”** nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, làm nền tảng chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai của thành phố Đồng Xoài nói riêng và tỉnh Bình Phước nói chung.

Theo Đề án phát triển thành phố Đồng Xoài đến năm 2030, tầm nhìn 2050 định hướng xây dựng và phát triển thành phố trở thành đô thị hội tụ thông minh, đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại II, hướng tới đô thị hiện đại vào năm 2030 và hội nhập toàn diện vào năm 2050. Do đó, việc xây dựng THTM, LHTM gắn với DHSN dựa trên nền tảng công nghệ thông tin (CNTT) như: Khoa học máy tính, Robotics, Khoa học dữ liệu, Internet vạn vật là yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng THTM, LHTM cần nguồn lực rất lớn, trong điều kiện ngân sách thành phố còn khó khăn, trình độ một bộ phận GV, lãnh đạo quản lý giáo dục có mặt còn hạn chế; mặt khác hiện nay ở Việt Nam chưa có mô hình THTM, LHTM hoàn chỉnh để Đồng Xoài nghiên cứu, học tập. Do đó, Đề án này đề xuất định hướng phát triển Hệ sinh thái Giáo dục thông minh, các tiêu chí cơ bản và lộ

trình để triển khai thực hiện một cách bền vững; trước mắt đầu tư trang thiết bị tối thiểu ứng dụng CNTT ở các trường học trên địa bàn và **xây dựng thí điểm 04 trường học hoàn thiện** các tiêu chí của thông minh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố vừa hoàn thiện, nhân rộng phù hợp với điều kiện, khả năng huy động nguồn lực (cả về tài chính, nhân lực...), đảm bảo yêu cầu, định hướng phát triển của ngành.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

*** Văn bản Trung ương:**

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật CNTT số 67/2006/QH11; Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12.

2. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

3. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

4. Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/04/2015 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

5. Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”.

6. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

7. Quyết định số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

8. Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học.

9. Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

10. Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định phòng bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

11. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

12. Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0).

*** Văn bản của địa phương**

1. Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 17/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về xây dựng Chính quyền điện tử;

2. Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước;

3. Kế hoạch 199/KH-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh về việc Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước;

4. Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước;

5. Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Cổng Dịch vụ công và phần mềm một cửa điện tử tỉnh Bình Phước;

6. Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh về xây dựng hệ thống THTM trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025.

7. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đồng Xoài lần thứ V, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đồng Xoài lần thứ V, nhiệm kỳ 2020- 2025.

III. TIẾP CẬN KHÁI NIỆM TRƯỜNG HỌC THÔNG MINH, LỚP HỌC THÔNG MINH, GẮN VỚI DẠY HỌC SONG NGỮ:

Cùng với xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và sự phát triển của khoa học, CNTT, truyền thông (TT) thì giáo dục thông minh, DHSN trở thành xu thế mới của giáo dục hiện đại nhằm đào tạo các thế hệ công dân thông minh, xây dựng thành phố thông minh. Với mô hình THTM, LHTM sẽ phát huy tối ưu các thiết bị dạy học điện tử, kỹ thuật số hiện đại, hệ thống phần mềm và nguồn tài liệu mở tạo môi trường tương tác đa chiều trong giảng dạy, học tập và quản lý mang tính đồng bộ, xuyên suốt từ các cấp quản lý ngành như Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT đến các trường học, các lớp học (quản lý chương trình giảng dạy và học tập, quản lý thư viện, quản lý giáo viên (GV), học sinh (HS)). Dữ liệu được tập trung và phân tích, xử lý đưa ra các báo cáo thống kê, tổng hợp để các cấp quản lý nắm được mọi thông tin, số liệu trong lĩnh vực hoạt động do mình phụ trách. Bên cạnh đó, có công cụ hiển thị số liệu dưới dạng đồ họa (Dashboard) và đưa ra các chỉ báo trong tương lai để ngành giáo dục chuẩn bị các phương án triển khai đầu năm học hoặc có số liệu để có cơ sở đưa ra mục tiêu chiến lược phát triển ngành giáo dục của tỉnh, thành phố. Đồng thời, giải pháp có kết nối Internet và truyền hình cho phép người học truy cập trực tiếp tới các học liệu điện tử, kết nối giao lưu với các tổ chức giáo dục uy tín trong nước và quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục, kinh nghiệm dạy và học.

Trong phạm vi đề án khái niệm THTM, LHTM và DHSN được hiểu như sau:

- **Trường học thông minh:** Hoạt động trên nền tảng ứng dụng CNTT và TT nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đào tạo thế hệ trẻ. Các giải pháp ứng dụng CNTT trong trường học được triển khai đồng bộ gồm các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập thông minh, hiện đại và các phần mềm ứng dụng được kết nối trên nền tảng hạ tầng CNTT đủ mạnh phục vụ công tác quản lý điều hành trên môi trường mạng; giảng dạy, học tập theo định hướng tương tác (Interactive Teaching) và kết nối thông tin giữa nhà trường, Sở GD&ĐT, các Phòng GD&ĐT với Bộ GD&ĐT và với xã hội.

- **Lớp học thông minh:** Là phòng học được trang bị các trang thiết bị, phần mềm ứng dụng... với các tính năng ưu việt để phục vụ tốt cho việc giảng dạy, học tập và quản lý, trong đó chú trọng đến khả năng truyền tải bài giảng dưới các dạng thức như âm thanh, hình ảnh, video... đến HS, giúp cho HS có thể học mọi lúc, mọi nơi và thực hiện việc tự đánh giá. Trong quá trình học, GV và HS có thể tương tác với nhau một cách dễ dàng và truyền đạt kiến thức cho HS với hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, các thiết bị còn được tích hợp với các phần mềm giảng dạy điện tử giúp GV có thể chuyển tải kiến thức cho HS nhanh chóng và sinh động nhất. Các HS cũng có thể tương tác với nhau thông qua các thiết bị và hệ thống bài học, học liệu điện tử được kết nối qua mạng máy tính.

- **Day học song ngữ:** khi học chương trình song ngữ, HS sẽ phải học các môn Toán và Khoa học bằng tiếng Anh. GV và HS sẽ sử dụng cả ngôn ngữ tiếng Anh và Tiếng Việt trong suốt quá trình dạy và học. Qua đó giúp HS từng bước hình thành thói quen, phản xạ sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, giao tiếp.

Nghiên cứu các mô hình giáo dục thông minh ở các quốc gia phát triển cũng như ở Việt Nam, cho thấy: Xây dựng THPTM, THPTM gắn với DHTM là xu hướng tất yếu trong giáo dục thông minh mà nhiều nước trên thế giới và một số tỉnh, thành phố ở nước ta đã thực hiện. Mỗi quốc gia, mỗi địa phương lựa chọn một mô hình phù hợp với điều kiện nguồn lực, đặc điểm của từng quốc gia, từng địa phương. **Mặc dù có sự khác nhau nhưng những mô tả về THPTM đều được thể hiện ở các nội dung:**

- Mục tiêu của THPTM nhằm chuẩn bị và hình thành thế hệ công dân thông minh, lực lượng lao động chất lượng cao - chủ nhân của thế kỉ XXI có những kiến thức và kĩ năng để đáp ứng nhu cầu và thách thức của xã hội công nghệ hiện đại.
- Người học là trung tâm, được cung cấp các dịch vụ học tập hiện đại, chất lượng; được học phù hợp theo nhu cầu và tốc độ, đặc điểm và hoàn cảnh cá nhân.
- Tính chất thông minh của nhà trường hướng tới tính linh hoạt, thích ứng, hiện đại và phát triển liên tục.
- Cân bằng động với sự phát triển của thế giới công nghệ hiện đại.
- THPTM cung cấp môi trường giáo dục thông minh cho người học.
- Công nghệ thông minh đóng vai trò quyết định để xây dựng và duy trì môi trường giáo dục thông minh. Công nghệ gồm phần cứng và phần mềm, trong đó, phần cứng phần lớn là các thiết bị giúp người học học hiệu quả và dễ dàng; phần mềm đề cập đến tính linh hoạt và thích ứng với các công nghệ Điện toán đám mây, Big Data, học tập phân tích, công cụ thích ứng,... tạo nên tính hấp dẫn, mở rộng cơ hội phát triển và cung cấp các dịch vụ của nhà trường.

Như vậy, THPTM, THPTM có sự hội tụ của các yếu tố: Sự phạm thông minh, học tập thông minh, môi trường giáo dục thông minh. Trong sự tương tác của các yếu tố đó, vai trò và phương thức hoạt động của GV, HS, của lãnh đạo và quản lý nhà trường đã có sự thay đổi, khác biệt so với trường học truyền thống. HS là trung tâm và được hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển học tập thông minh. Ứng dụng CNTT&TT, các thiết bị công nghệ thông minh sâu rộng và thâm nhập trong các hoạt động của nhà trường làm tăng tương tác, mở rộng kết nối, nâng cao chất lượng dạy và học, tăng hiệu quả quản lý nhà trường.

PHẦN II

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

I. HIỆN TRẠNG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI: (Số liệu đầu năm học 2020-2021)

1. Quy mô mạng lưới cơ sở giáo dục:

CẤP HỌC	TRƯỜNG		LỚP/NHÓM		SỐ GV/SỐ TRẺ		GHI CHÚ
	CÔNG LẬP	TƯ THỰC	CÔNG LẬP	TƯ THỰC	CÔNG LẬP	TƯ THỰC	
Mầm non	10	10	132	73	4.276	1.991	Ngoài ra còn 47 cơ sở giáo dục mầm non độc lập, với 999 trẻ
Tiểu học	13		328		12.569		
THCS	08		214		8.564		
Tổng	31	10	674	73	25.409	1.991	
	41		814		28.372		

Dự kiến đến năm học 2024 - 2025, toàn thành phố: Giáo dục Tiểu học: 13 trường/437 lớp/15.536 HS (tăng 109 lớp và 2.787 HS); Giáo dục THCS: 08 trường/253 lớp/10.096 HS (tăng 39 lớp và 1.532 HS).

2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên:

2.1. Số lượng cán bộ quản lý và giáo viên:

Số liệu tính đến tháng 10/2020, chỉ thống kê đối với các trường công lập.

CẤP HỌC	TỔNG SỐ		CB QL	GVBC/HD	NV	CHUẨN ĐÀO TẠO		GV THIẾU SO VỚI BIÊN CHẾ LỚP NĂM HỌC 2020-2021
	BIÊN CHẾ	HỢP ĐỒNG				ĐẠT CHUẨN (%)	TRÊN CHUẨN (%)	

Mầm non	302	29	29	253/29	20	100	94.4	12
Tiểu học	505	17	30	444/17	31	100	96.2	48
THCS	437	4	17	404/3	16	100	89.1	19
Tổng	1.244	50	76	1.101/50	67			79

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên:

2.2.1. Trình độ Tin học

- Thành phố Đồng Xoài có 29 GV chuyên trách dạy học Tin học tại các trường Tiểu học và THCS. Trình độ: Đại học 14, Cao đẳng: 15.

- Số cán bộ, GV đã tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng cơ bản của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin Truyền thông: 1047/1177 đạt tỷ lệ 89,0%.

- 100% CBQL, GV được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học.

2.2.2. Trình độ Ngoại ngữ:

- GV dạy Tiếng Anh:

CẤP HỌC	SỐ LƯỢNG	CHUẨN ĐÀO TẠO			CHUẨN NĂNG LỰC			TỶ LỆ ĐẠT CHUẨN	
		CAO ĐẲNG	ĐẠI HỌC	TRÊN ĐẠI HỌC	B1	B2	C1	ĐÀO TẠO (%)	NĂNG LỰC (%)
Tiểu học	20	07	13		02	17	01	100	100
THCS	52	06	46		05	47	00	100	90.4
Tổng	72	13	59	0	07	64	01	100	93.1

- GV không chuyên trách:

CẤP HỌC	TỔNG SỐ CB QL, GV	CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)									TỶ LỆ CB, GV CÓ CHỨNG CHỈ (%)
		Tổng	C1	B2	B1	A2	A1	C	B	A	
Tiểu học	474	371			02			01	254	114	78.27

THCS	421	247			11		01		126	109	58.7
Tổng	895	618	0	0	03	0	01	01	380	223	69.1

3. Chất lượng giáo dục:

- *Cấp Tiểu học và THCS có 14/31 trường* công lập đạt chuẩn Quốc gia chiếm 45,2%, ngoài ra. Ngoài ra, trên địa bàn thành phố còn có 2/10 trường mầm non tư thục và 100% các trường THPT đạt chuẩn Quốc gia. Chất lượng giáo dục đại trà dẫn đầu toàn tỉnh, chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì ở 03 vị trí đứng đầu toàn tỉnh từng năm học.

- Công tác phổ cập - Xoá mù chữ: Thành phố Đồng Xoài đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học đạt mức độ 3; phổ cập THCS mức độ 2 (trong đó có 4/8 xã phường đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 3; 4/8 đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 4); đạt chuẩn phổ cập bậc Trung học; đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ DẠY HỌC SONG NGỮ TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI:

1. Hiện trạng hạ tầng thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin:

1.1. Về trang thiết bị phục vụ dạy học:

- *Máy tính phục vụ học tin học:*

CẤP HỌC	TỔNG SỐ GV	TỔNG SỐ MÁY TÍNH PHỤC VỤ GV HỌC TIN HỌC	TỶ LỆ GV/MÁY		SỐ MÁY THIẾU SO VỚI TỔNG SỐ HS HIỆN TẠI
			THỰC TẾ	QUY ĐỊNH	
Tiểu học	12.569	252	50.1	24	237
THCS	8.564	313	27.4	16	223
Tổng	21.133	565			460

- *Bảng tương tác, ti vi hoặc màn chiếu phục vụ dạy, học:*

CẤP HỌC	SỐ PHÒNG HỌC THEO BIÊN CHẾ LỚP HIỆN TẠI	TỔNG SỐ BẢNG TƯƠNG TÁC, TI VI HOẶC MÀN CHIẾU ĐÃ CÓ	SỐ BẢNG TƯƠNG TÁC CÒN THIẾU SO VỚI PHÒNG HỌC ĐANG SỬ DỤNG THEO BIÊN CHẾ LỚP HIỆN TẠI
Mầm non	132	132	0
Tiểu học	328	256	72

THCS	175	156	19
Tổng	635	544	91

1.2. Về trang thiết bị làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

CẤP HỌC	MÁY TÍNH		MÁY IN	MÁY SCAN
	ĐỂ BÀN	XÁCH TAY		
Mầm non	170	0	58	13
Tiểu học	128	23	112	11
THCS	118	69	112	22
Tổng	416	92	282	46

Trong năm học 2019 - 2020, Sở GD&ĐT đã trang bị cho 03 trường THCS Tân Xuân, THCS Tân Phú và Tiểu học Tân Bình hệ thống phòng học tiên tiến, Camera giám sát, phòng học ngoại ngữ và tin học.

1.3. Về tình hình kết nối đường truyền Internet tới các cơ sở giáo dục:

- *Tại Phòng GD&ĐT:* Toàn bộ công chức Phòng đều được trang bị máy tính bàn và các thiết bị khác để phục vụ công việc hàng ngày. Có trang thông tin điện tử ngành. Có đường truyền Internet cáp quang. Tuy nhiên, máy tính đã được trang bị lâu, xuống cấp, không đáp ứng được yêu cầu công việc; đường truyền internet chưa đủ mạnh.

- *Tại các trường trực thuộc:* Tất cả các cơ sở giáo dục từ mầm non đến THCS đều đã được trang bị đường truyền Internet, đạt tỷ lệ 100%. Tuy nhiên, mức độ duy trì các đường truyền chưa cao, khả năng truy cập còn nhiều hạn chế.

2. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học, quản lý, điều hành:

- Trên 80% GV sử dụng thành thạo phần mềm, công cụ ứng dụng CNTT hỗ trợ dạy học trên lớp; 177/1.228 GV tỷ lệ 14.4% GV có năng lực thiết kế Bài giảng E-Learning, đóng góp cho kho bài giảng dùng chung và thường xuyên áp dụng bài giảng e-learning trong dạy học. Số tiết dạy có ứng dụng CNTT còn hạn chế: cấp tiểu học khoảng 20%, cấp THCS khoảng 30%.

- 100% các trường Tiểu học, THCS có Website trường học để cung cấp, công khai thông tin giáo dục ra xã hội; cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tới phụ huynh, HS. Tuy nhiên thông tin trên Website còn nghèo nàn, chưa cập nhật kịp thời.

- 100% các trường trực thuộc triển khai Hệ thống quản lý hành chính điện tử (văn bản đến, văn bản đi, lịch công tác, ..) liên thông với các cấp quản lý giáo dục (Phòng GD&ĐT, UBND thành phố).

- 100% các trường trực thuộc triển khai phần mềm quản lý nhà trường với các mô đun chính hỗ trợ công tác quản lý giáo dục trong nhà trường, gồm: quản lý quá trình học tập, rèn luyện của HS; quản lý thông tin đội ngũ; hỗ trợ xếp thời khóa biểu; quản lý các kỳ thi; quản lý tài sản; quản lý tài chính; quản lý thư viện.

- 100% các trường Tiểu học, THCS triển khai sổ điện tử và ứng dụng liên lạc điện tử giữa nhà trường, HS và phụ huynh.

- 100% các trường trực thuộc triển khai hệ thống giám sát, an ninh trường học. Tuy nhiên còn ít và chưa đáp ứng được yêu cầu chung.

- 100% CB-GV-NV được cung cấp Email với tên miền riêng “@.edu.vn” để học tập trực tuyến và liên hệ công tác. Tuy nhiên hầu hết đã quên mật khẩu không sử dụng được và đã tự ý thay thế bằng các email cá nhân tự tạo.

- 100% các đơn vị sử dụng cập nhật dữ liệu lên hệ thống thông qua ứng dụng VnEdu, tạo một kênh liên lạc giữa cha mẹ HS và nhà trường. Thực hiện việc quản lý kết quả học tập và rèn luyện Online. Trong năm học 2020 - 2021 ngành GD&ĐT thành phố tiếp tục thực hiện sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và các hồ sơ hành chính điện tử, hoá đơn điện tử, ... được in trực tiếp từ hệ vnEdu.

- Đối với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Hiện nay, Phòng GD&ĐT chưa cung cấp được các dịch vụ công trực tuyến.

3. Hiện trạng dạy học môn Tiếng Anh và dạy học song ngữ trong các nhà trường:

3.1. Hiện trạng dạy học môn Tiếng Anh trong các nhà trường:

- *Cấp Mầm non:* Khuyến khích các trường hợp đồng với GV Tiếng Anh ở các trung tâm ngoại ngữ dạy Tiếng Anh cho trẻ.

- *Cấp Tiểu học:* Khuyến khích các trường tổ chức dạy tiếng Anh cho HS lớp 1 và 100% HS khối 3, khối 4, khối 5 học 2 buổi/ngày được học Tiếng Anh. Cụ thể lớp 1 có 45 lớp/1.547 HS; lớp 3 có 70 lớp/2.882 HS; lớp 4 có 59 lớp/2345 HS; lớp 5 có 46 lớp/1.819 HS học tiếng Anh.

- *Cấp THCS:* 100% HS được học Tiếng Anh, trong đó có 51/214 lớp học Tiếng Anh đề án hệ 10 năm (trong đó: khối 6, khối 7: 12 lớp; khối 8: 16 lớp; khối 9: 11 lớp), chiếm tỷ lệ 23,8 %

3.2. Hiện trạng dạy học - Tổ chức thi điểm dạy học song ngữ:

Năm học 2020 - 2021, bước đầu làm quen với dạy song ngữ Anh - Việt ở 02 cấp Tiểu học và THCS. **Cụ thể:**

- *Cấp Tiểu học:* Dạy song ngữ môn Toán ở trường Tiểu học Tân Phú (01 lớp 4); Tiểu học Tân Bình (03 lớp, trong đó khối 3: 01 lớp; khối 4: 02 lớp). Ngoài ra, các trường khác cũng tích cực hưởng ứng, cuối năm học 2020 - 2021 có 12/13 trường tiểu học thực hiện dạy thí điểm các tiết học song ngữ môn Toán.

+ *Cấp THCS:* DHSN Anh - Việt môn Toán ở trường THCS Tân Xuân (04 lớp, trong đó khối 6: 02 lớp; khối 7: 02 lớp), trường THCS Tân Phú (03 lớp, trong đó khối 6: 01 lớp; khối 7: 01 lớp; khối 8: 01 lớp). Ngoài ra, tất cả các trường THCS còn lại cũng tích cực triển khai và có lớp thí điểm dạy song ngữ.

4. Môi trường ứng dụng công nghệ thông tin: Hầu hết các CBQL, NV, GV và Cha mẹ học sinh đều sử dụng các thiết bị thông minh hoặc máy tính có kết nối Internet, đồng thời cũng đã có thói quen sử dụng các phần mềm quản lý nhà trường vnEdu, cơ bản thuận lợi cho việc triển khai giáo dục thông minh, xây dựng THPTM, LHTM và DHSN trong thời gian tới trong thời gian tới.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ:

Trong những năm học gần đây, Sở GD&ĐT, UBND thành phố và các nhà trường đã quan tâm, trang bị hạ tầng CNTT, trang thiết bị dạy học hiện đại, máy tính để phục vụ cho công tác quản lý, dạy học thông minh.

- Năm học 2019 - 2020: 03 trường THCS Tân Xuân, THCS Tân Phú và Tiểu học Tân Bình được Sở GD&ĐT trang bị hệ thống phòng học tiên tiến, phòng học ngoại ngữ, tin học, hạ tầng CNTT và hệ thống camera giám sát (*theo đề án mua sắm đồ dùng dạy học tiên tiến cho các đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019 - 2020*).

- Các trường đang sử dụng nhiều hệ thống phần mềm: Phần mềm quản lý HS vnEdu, quản lý nhân sự, quản lý tài sản, tài chính, các phần mềm dạy học ngày càng hoàn thiện đáp ứng được công tác quản lý, dạy học thông minh.

- Kỹ năng sử dụng CNTT của đội ngũ CBQL, GV, NV đang ngày được cải thiện, đáp ứng cơ bản yêu cầu.

- Năng lực về ngoại ngữ của GV chuyên Tiếng Anh đã tiến bộ nhiều. Hầu hết GV đều có ý thức bồi dưỡng, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu mới. Thành phố đã thí điểm DHSN Anh - Việt ở một số lớp cấp Tiểu học và THCS.

- Ứng dụng CNTT góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả điều hành chỉ đạo, quản lý giáo dục, trong dạy-học của toàn ngành.

Tuy nhiên, để triển khai xây dựng THTM, LHTM gắn với DHSN, ngành giáo dục - đào tạo thành phố còn khó khăn, vướng mắc sau:

- Cơ sở vật chất (cơ sở hạ tầng, máy tính phục vụ dạy học Tin học, máy chiếu, ti vi, bảng tương tác, ...) phục vụ cho việc dạy học ứng dụng CNTT còn hạn chế: chưa có phòng học nào được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất hiện đại theo tiêu chí của phòng học thông minh; số lượng máy chiếu, màn hình ti vi, bảng tương tác chưa được trang bị đủ cho các phòng học (thiếu tại 91 phòng); máy phục vụ cho HS hoặc tin học còn thiếu (460 máy); hệ thống camera an ninh ở các trường đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đầy đủ và chưa đồng bộ, chưa có hệ thống camera trong các phòng học; các phòng học chức năng tiên tiến như phòng tin học ngoại ngữ và kiểm tra online, phòng học STEM còn thiếu nhiều; đường truyền internet trong các nhà trường cơ bản chỉ mới đủ phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động văn phòng; đường điện ở một vài trường cần được đầu tư thêm, ...

- 100% GV đã được tập huấn về ứng dụng CNTT vào giảng dạy nhưng khả năng vận dụng chưa cao, việc truy cập, khai thác thông tin, sử dụng các phần mềm còn hạn chế.

- Số lượng GV chưa đạt chuẩn về kỹ năng sử dụng CNTT theo quy định chuẩn nghề nghiệp GV của ngành vẫn còn khá nhiều: 130/1.101 GV chiếm 11,8%.

- Số lượng GV có khả năng soạn Bài giảng E-Learning, ứng dụng CNTT ở mức cao còn ít: 294/1.101 GV chiếm 26,7%.

- Các phần mềm hiện nay (như: vnEdu, PMIS, EMIS, VMIS) được triển khai là những phần mềm chạy độc lập, không có khả năng tích hợp dữ liệu nên khó khăn cho công tác đồng bộ dữ liệu, quản lý, điều hành.

- Vẫn còn GV chưa đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ theo đề án ngoại ngữ quốc gia (5/52 GV chiếm 9,6%). Tỷ lệ GV đạt chuẩn năng lực dạy Tiếng Anh theo chuẩn quốc tế còn rất thấp. Số GV có thể DHSN Anh - Việt rất ít, có trường không có nguồn để bồi dưỡng.

Đánh giá tổng thể với hiện trạng nêu trên ngành GD&ĐT thành phố đủ điều kiện để hướng tới xây dựng mô hình THPT, THPTM gắn với DHSN.

PHẦN III

PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC THÔNG MINH, LỚP HỌC THÔNG MINH GẮN VỚI DẠY HỌC SONG NGỮ

I. ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG HỌC THÔNG MINH, LỚP HỌC THÔNG MINH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ:

1. Tiêu chí đánh giá trường học thông minh: *(Theo Phụ lục 01)*

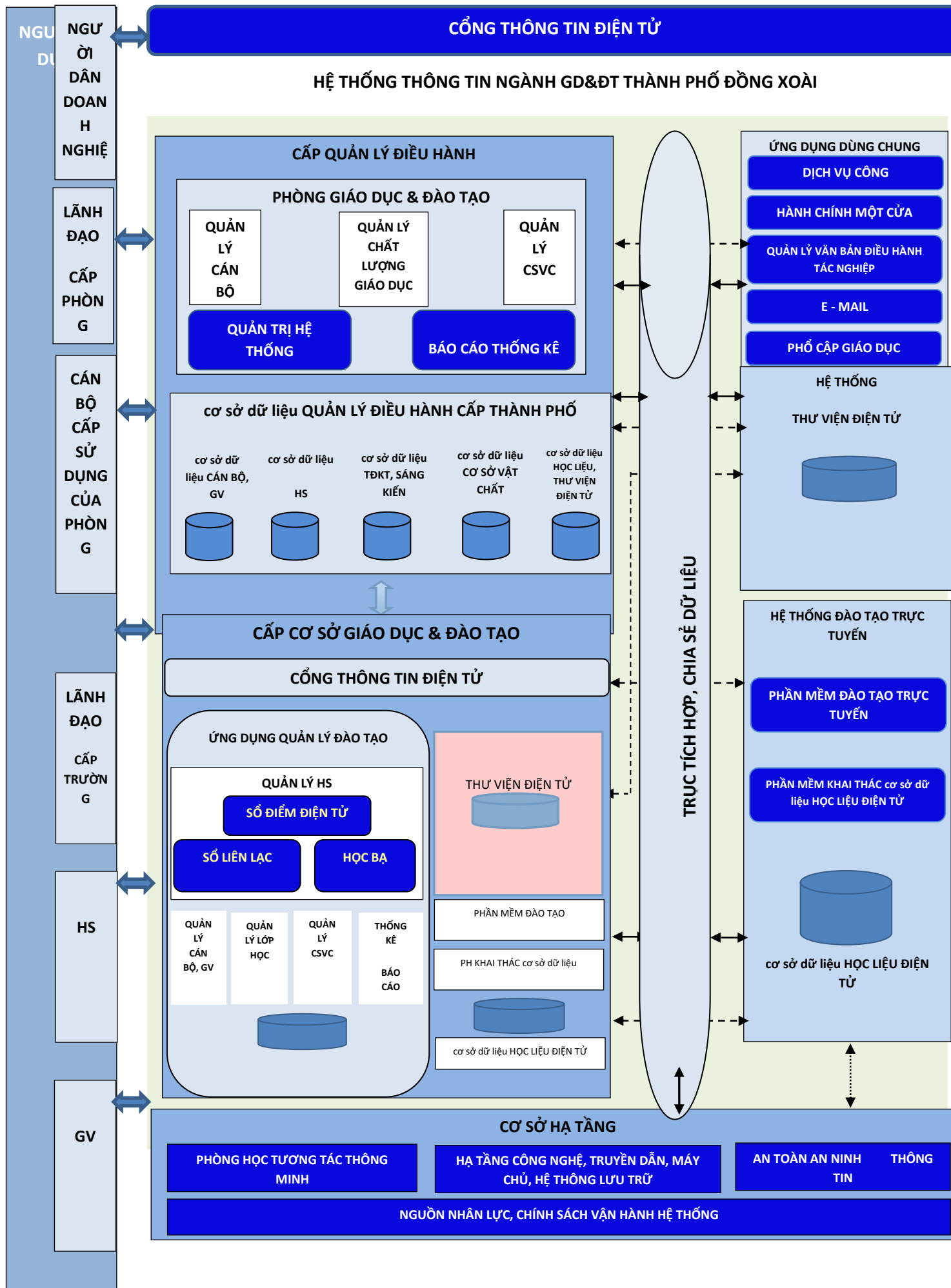
- **Tiêu chí 1:** Kế hoạch chiến lược và chương trình dạy học thông minh
- **Tiêu chí 2:** Công tác quản lý, điều hành:
- **Tiêu chí 3:** Giáo viên
- **Tiêu chí 4:** Học sinh
- **Tiêu chí 5:** Đánh giá và giám sát trường học: Đánh giá khách quan và toàn diện trên nền tảng công nghệ thông minh; Giám sát đa chiều, toàn diện, công khai.

- **Tiêu chí 6:** Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục

2. Tiêu chí đánh giá lớp học thông minh: *(Theo Phụ lục 01)*

- **Tiêu chí 01:** Thiết bị phục vụ dạy và học
- **Tiêu chí 02:** Kết nối Internet
- **Tiêu chí 03:** Ứng dụng CNTT trong quản lý lớp học
- **Tiêu chí 04:** Ứng dụng CNTT phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học

II. MÔ HÌNH HỆ SINH THÁI GIÁO DỤC THÔNG MINH: Căn cứ vào định hướng xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT ngành GD&ĐT và hiện trạng ứng dụng CNTT hiện có của Phòng GD&ĐT, tận dụng hạ tầng và hệ thống thông tin hiện có, đề án đề xuất Mô hình xây dựng hệ sinh thái giáo dục thông minh thành phố Đồng Xoài như sau:



* **Thuyết minh mô hình hệ sinh thái giáo dục thông minh:** (Theo phụ lục 02 đính kèm đề án)

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Quan điểm xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh gắn với dạy học song ngữ:

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng CNTT và truyền thông trong mọi hoạt động để cung cấp những dịch vụ GD&ĐT tốt nhất, nâng cao chất lượng GD&ĐT thành phố, hướng tới đào tạo công dân toàn cầu, thông minh và hội nhập.

- Tuân thủ các quy định về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, các hướng dẫn, thẩm định của các cơ quan quản lý giáo dục về ứng dụng CNTT trong trường học; đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin.

- Đảm bảo tính hiệu quả trong đầu tư và ứng dụng CNTT. Đối với những giải pháp công nghệ mới, cần có các bước thử nghiệm, thẩm định, đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng triển khai. Việc ứng dụng CNTT trong các trường học trước hết phải đáp ứng yêu cầu cơ bản, đồng thời tùy theo điều kiện và nhu cầu thực tế, nhà trường áp dụng giải pháp ứng dụng CNTT mức nâng cao, có tính sáng tạo cao, tiếp cận với những công nghệ tiên tiến trên thế giới để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong quản lý và đổi mới nội dung, phương pháp dạy học (theo Phụ lục số 03).

2. Mục tiêu: Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của ngành giáo dục của thành phố, đảm bảo đến năm 2030, tin học hóa 100% công tác quản lý nghiệp vụ. Theo từng giai đoạn mục tiêu cụ thể đặt ra như sau:

2.1. Đến năm 2025: 100% trường được trang bị thiết chế THPT và có lớp dạy học song ngữ Anh - Việt. Phần đầu có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc tế. Cụ thể như sau:

- Về hạ tầng CNTT&TT: 100% các trường học được trang bị hạ tầng ứng dụng CNTT và trang thiết bị hiện đại cơ bản đáp ứng quản lý, giảng dạy, nghiên cứu và học tập thông minh; 30% phòng học trong các nhà trường đáp ứng tiêu chí của lớp học thông minh; 100% trường tiểu học và THCS có thư viện điện tử, phòng học tin học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm; 100% hệ thống trường, lớp có hệ thống an ninh học đường, đảm bảo nâng cao an ninh, an toàn và phòng chống tội phạm học đường.

- Về công tác quản lý, điều hành của ngành GD&ĐT:

+ 100% các cơ quan quản lý về GD&ĐT, các cơ sở GD&ĐT thực hiện quản lý hành chính xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, 4.

+ Hình thành cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT thành phố Đồng Xoài phục vụ tốt công tác quản lý giáo dục của thành phố. Hình thành kho học liệu số dùng chung toàn ngành, gồm: Bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

+ 70% lớp bồi dưỡng chuyên môn cho GV và CBQL giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning).

- Về công tác quản lý, điều hành của các nhà trường: Phân đầu 100% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ứng dụng CNTT trong quản lý nhà trường; trong đó ít nhất 70% trường học sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử.

- Về đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học:

+ 100% GV ứng dụng CNTT trong dạy học, kiểm tra đánh giá. 100% số tiết học có ứng dụng CNTT hiệu quả, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng HS.

+ Ít nhất 30% bài kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức kiểm tra online;

+ Ít nhất 70% cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng, khai thác và sử dụng hiệu quả trang học tập trực tuyến của nhà trường.

- Về mục tiêu dạy học song ngữ Anh - Việt: 100% trường học có lớp dạy song ngữ Anh - Việt các môn Toán và Khoa học Tự nhiên. **Trong đó:**

+ Đầu ra học sinh các lớp học song ngữ Anh - Việt: Cấp tiểu học tương đương A1, cấp THCS tương đương A2, cấp THPT tương đương B1 theo khung năng lực 6 bậc của Châu Âu.

+ 10% GV có khả năng tổ chức DHSN.

+ 5% GV trong các nhà trường có khả năng sử dụng Tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp, trình bày bài học, nội dung tham luận, thuyết trình, dẫn chương trình,...

2.2. Đến năm 2030:

- Tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển các tiêu chí xây dựng THPTM trong các nhà trường.

- 100% các nhà trường đều có lớp DHSN Việt - Anh các môn Toán và Khoa học Tự nhiên ở tất cả các khối.

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

3.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, cha mẹ học sinh và các tầng lớp nhân dân về tính cấp thiết và tầm quan trọng của việc xây dựng trường học thông minh gắn với dạy học song ngữ trong giai đoạn hiện nay.

* Mục đích: Tạo sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị về thực hiện nhiệm vụ xây dựng THPTM, LHTM, DHSN.

* Giải pháp:

- Sử dụng nhiều kênh thông tin để tuyên truyền Đề án xây dựng THPTM gắn với DHSN đến từng học sinh, từng cha mẹ học sinh, đến mọi người dân trong đó tập trung tuyên truyền về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lợi ích mà giáo dục thông minh mang lại để kêu gọi sự chung tay của các bậc cha mẹ học sinh ủng hộ về tinh thần, vật chất đối với chủ trương xây dựng THPTM của thành phố Đồng Xoài.

3.2. Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế, chính sách, văn bản hướng dẫn về ứng dụng công nghệ thông tin và dạy học song ngữ

* *Mục đích:* Để việc triển khai xây dựng THPTM, THPTM gắn với DHSN được đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế, văn bản hướng dẫn về quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống CNTT và tổ chức DHSN Việt - Anh trong ngành GD&ĐT thành phố Đồng Xoài.

- Đề xuất sở GD&ĐT, UBND tỉnh có một số cơ chế, chính sách, chế độ đặc thù cho thành phố trong việc tiên phong xây dựng THPTM, THPTM và tổ chức DHSN Việt - Anh trong ngành GD&ĐT của tỉnh. Ban hành các quy định, quy chế, chính sách cụ thể để hoàn thiện hệ thống pháp lý cho việc mở rộng, phát triển hệ thống THPTM, THPTM gắn với DHSN.

3.3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên có chất lượng cao

3.3.1. Tuyển dụng, hợp đồng, sử dụng đội ngũ giáo viên, nhân viên:

* *Mục đích:* Đảm bảo đủ GV đứng lớp, nhất là GV dạy song ngữ, GV dạy các môn chuyên như Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Thể chất đạt chuẩn đào tạo, chuẩn năng lực, sẵn sàng thích ứng với đổi mới giáo dục.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Tham mưu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền để đảm bảo đủ GV đứng lớp; Sử dụng GV hiệu quả; cân đối, bố trí GV linh hoạt, hợp lý giữa các nhà trường, đảm bảo thực hiện tốt chương trình SGK mới.

- Thu hút GV giỏi có đủ năng lực làm việc trong môi trường thông minh và dạy học song ngữ theo cơ chế đặc thù. Cụ thể là: dành biên chế dự phòng (GV nghỉ hưu hoặc chuyển công tác) để tuyển dụng GV tốt nghiệp Đại học sư phạm loại Giỏi, Khá và đạt trình độ IELTS 5.5 (hoặc tương đương) trở lên, đồng thời có chính sách thu hút 100 triệu đồng/người (bằng với kinh phí bồi dưỡng 01 GV dạy học song ngữ theo Kế hoạch của Sở GD&ĐT) đi kèm với cam kết phục vụ địa phương.

- Hợp tác với các Trung tâm/trường có khả năng tổ chức DHSN để thực hiện dạy song ngữ ở một số trường trên địa bàn.

3.3.2. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

* *Mục đích:* Để chuyển giao công nghệ, sử dụng và vận hành các hệ thống phần cứng, phần mềm và các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của thành phố.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Yêu cầu CBQL, GV, NV tại Phòng GD&ĐT và các nhà trường chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng để đạt chuẩn về ứng dụng CNTT theo quy định của từng cấp quản lý, cấp học.

- Tổ chức tập huấn trong toàn ngành nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính và khai thác các ứng dụng phục vụ quản lý điều hành, các ứng dụng hỗ trợ đổi

mới nội dung, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách về CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành thông suốt, an toàn các giải pháp, sản phẩm, trang thiết bị CNTT được triển khai.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho CBQL, GV qua môi trường mạng (đào tạo trực tuyến) nhằm phổ biến rộng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ đến các cán bộ, GV.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến cho GV liên quan đến khung chương trình giáo dục phổ thông mới trong đó có kiến thức, kỹ năng dạy môn tin học và công nghệ theo khung chương trình giáo dục phổ thông mới trong nhà trường.

3.3.3. Nâng cao năng lực dạy học song ngữ Anh - Việt:

* *Mục đích:* Đào tạo, xây dựng đội ngũ GV cốt cán đáp ứng yêu cầu DHSN Việt - Anh ở môn Toán và các môn Khoa học Tự nhiên. Tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV về năng lực sử dụng Tiếng Anh trong toàn đội ngũ nhằm đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Yêu cầu CBQL, GV, NV tại Phòng GD&ĐT và các nhà trường chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng để đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ theo quy định của từng cấp quản lý, cấp học.

- Cử GV cốt cán dạy Toán và các môn Khoa học Tự nhiên tham gia bồi dưỡng năng lực DHSN Việt - Anh, dự kiến mỗi năm cử đào tạo 20 GV ở 2 cấp học Tiểu học và THCS đi bồi dưỡng năng lực DHSN.

- Khuyến khích GV tham gia học tập trực tuyến để nâng cao năng lực Tiếng Anh; tham gia DHSN Việt - Anh.

3.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin:

* *Mục đích:* Từng bước hiện đại và đồng bộ cơ sở hạ tầng CNTT, truyền thông và trang thiết bị dạy-học, đáp ứng được yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị thông minh theo lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế, tập trung vào các hạng mục như:

+ Trang bị hạ tầng ứng dụng CNTT&TT hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn của THPTM;

+ Đầu tư các phòng học thông minh;

- Tham mưu đề xuất các phương án bố trí kinh phí; tranh thủ sự quan tâm và đầu tư của tỉnh theo đề án xây dựng THPTM giai đoạn 2021 - 2025; kêu gọi sự chung tay hỗ trợ từ các bậc cha mẹ học sinh, các công ty, doanh nghiệp, các nhà đầu tư giáo dục.

3.5. Ứng dụng các nền tảng công nghệ, phần mềm tin học:

3.5.1. Quản lý kết quả học tập, quản lý giáo viên:

* *Mục đích:* Quản lý, phân tích chất lượng đội ngũ, kết quả dạy và học.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Về nền tảng phân tích giáo dục và hệ thống quản lý chất lượng HS: Thực hiện phân tích chất lượng giáo dục và quản lý kết quả học tập của HS bằng phần mềm vnEdu; thực hiện quản lý và in sổ gọi tên ghi điểm, học bạ của HS và các loại hồ sơ hành chính nhà trường từ phần mềm vnEdu đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong giáo dục; phát triển dịch vụ điểm danh qua hệ thống máy quét vân tay hoặc camera thông minh, tích hợp trực tiếp lên vnEdu.

Sử dụng phần mềm MCTEST để thực hiện tạo ngân hàng đề thi, trộn đề, chấm bài kiểm tra tạo nên tính khách quan cao, chính xác và minh bạch trong kiểm tra, đánh giá. Trong thời gian tới thực hiện kiểm tra trực tuyến trên máy tính.

- Về hệ thống quản lý chất lượng GV: Sử dụng phần mềm EMIS.

- Về hệ thống định danh sinh trắc học: Triển khai điểm danh CB-GV-NV và GV bằng vân tay, nhận diện khuôn mặt hoặc camera, phối hợp, đặt hàng với VNPT để cập nhật tự động kết quả điểm danh lên hệ thống vnEdu; Sử dụng thẻ HS thông minh cho các hoạt động liên quan đến HS như vào học, gửi xe, tham gia câu lạc bộ, ...;

3.5.2. Tổ chức hoạt động dạy học, chương trình GD&ĐT trực tuyến

* *Mục đích:* Để triển khai hoạt động dạy học, hội họp, tập huấn trực tuyến.

* *Giải pháp:*

- Về nền tảng học tập trực tuyến: Trang bị, hợp đồng với nhà cung cấp để triển khai trang học tập trực tuyến LMS; mua và sử dụng các phần mềm tổ chức lớp học trực tuyến như Zoom, Google Meeting, Shub Classroom, Zavi,...; Nhiệm vụ của các nhà trường là tập huấn GV, quản lý, vận hành và sử dụng hiệu quả phần mềm đã được cung cấp, trang bị. Mỗi trường học trang bị ít nhất một phòng học tin học, ngoại ngữ, thi online và học tập trực tuyến.

- *Về hội nghị truyền hình:* trang bị phòng họp trực tuyến kết nối giữa phòng GD&ĐT và các cơ sở giáo dục trực thuộc.

- *Giải pháp quản lý chương trình giáo dục:* Chú trọng việc xây dựng chương trình giáo dục và thực hiện quản lý chương trình thông qua phần mềm vnEdu với việc nhập và cập nhật lịch báo giảng tự động. Tập huấn xây dựng kế hoạch và chương trình giáo dục phổ thông mới; Tiếp tục đề xuất để các nhà cung cấp nâng cấp các dịch vụ quản lý chương trình giáo dục.

- *Giải pháp đào tạo GV trực tuyến:* 100% GV trong các cơ sở giáo dục phải được cung cấp email với tên miền riêng và được cấp tài khoản để tham gia học tập trực tuyến theo chương trình tập huấn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT. Triển khai tập huấn trực tuyến khoảng 70% các modul bắt buộc theo quy định của ngành. Các nhà trường khuyến khích GV tự tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến để nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ.

3.5.3. Triển khai và quản lý dịch vụ:

* *Mục đích:* Để triển khai và quản lý các dịch vụ liên quan đến GD&ĐT.

* *Giải pháp:* Đặt hàng với các nhà cung ứng để triển khai và quản lý các dịch vụ công trực tuyến.

3.5.4. Đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học và kiểm tra, đánh giá:

* *Mục đích:* xây dựng các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ công tác đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá theo định hướng đổi mới toàn diện GD&ĐT.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Xây dựng THPTM hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học thông qua các thiết bị và ứng dụng có chức năng tương tác đáp ứng yêu cầu:

+ Tích hợp sử dụng được các phần mềm quản lý lớp học, bài giảng điện tử, sổ liên lạc điện tử, hồ sơ sổ sách điện tử;

+ Có thể dùng chung cho cả lớp (bảng truyền thống kết hợp với bảng tương tác, máy chiếu gần, máy chiếu vật thể, que chỉ, bút viết bảng);

+ Có thể ứng dụng cho từng HS (máy tính bảng kèm sách giáo khoa được số hóa).

- Đầu tư, mua sắm thiết bị phục vụ triển khai giáo dục STEM và Robotics trong nhà trường giúp GV, GV được tiếp cận phương pháp mới, công nghệ mới từ đó hình thành tư duy mới theo hướng tiếp cận cuộc CMCN 4.0.

- Ứng dụng, sử dụng hiệu quả thư viện số tập trung, kho học liệu tổng hợp và các giải pháp phát triển học liệu điện tử phục vụ giảng dạy và học tập của GV, GV nhằm đẩy mạnh phong trào tự học, tự nghiên cứu.

- Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và sử dụng phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ.

- Xây dựng hệ thống học tập trực tuyến e-learning và các bài giảng đáp ứng yêu cầu:

+ Áp dụng phương thức đào tạo kết hợp (blended learning) hướng tới giảm thời lượng học trên lớp và khuyến khích GV tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu.

+ Sử dụng được trên các thiết bị, công nghệ di động, thông minh để khai thác, học tập và nghiên cứu.

3.5.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành GD&ĐT:

* *Mục đích:* Hình thành hệ thống quản lý, giám sát tập trung có khả năng kết nối, liên thông và tích hợp với hệ thống chính quyền điện tử hoặc cơ sở dữ liệu điều hành thành phố thông minh của thành phố qua trục tích hợp dữ liệu. Các dữ liệu được tiếp nhận, làm sạch và lưu trữ phục vụ khai thác, phân tích, sàng lọc, tổng hợp xây dựng các báo cáo và thể hiện kết quả trực quan.

* *Giải pháp thực hiện:*

- Tiếp tục thực hiện và xây dựng các hệ thống quản lý điều hành phục vụ quản lý điều hành nội bộ trên môi trường mạng gồm: Hệ thống quản lý văn bản điều hành hành chính điện tử; giao việc và giám sát tiến độ công việc; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống quản lý cán bộ; Các hệ thống phục vụ quản lý điều hành nội bộ khác có liên quan.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung liên thông nhằm thống nhất quản lý các thông tin về trường, lớp, HS, đội ngũ GV và CBQL, cơ sở vật chất, tài chính... Kết nối, cung cấp số liệu phục vụ quản lý cho Trung tâm điều hành giáo dục tập trung; Kết nối, cung cấp báo cáo cho cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT do Bộ GD&ĐT quản lý; Hỗ trợ công tác quản lý giáo dục và tự động hoá công tác báo cáo về quản lý giáo dục.

- Xây dựng, thuê dịch vụ CNTT hệ thống quản lý trường học để quản lý hồ sơ trường học, lớp học, HS và GV; Tin học hoá công tác quản lý giáo dục từ nhà trường đến Phòng GD&ĐT; Triển khai sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử và các loại hồ sơ, sổ sách điện tử trong nhà trường.

- Cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tập trung ngành giáo dục Bình Phước, Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Bộ GD&ĐT; Kết nối giữa nhà trường và xã hội (phụ huynh, HS, người dân).

- Đầu tư, mua sắm các giải pháp, thiết bị hỗ trợ đảm bảo an toàn học đường giúp nhà trường có công cụ quản lý hiệu quả, chính xác đối với GV, HS trong thời gian giảng dạy, học tập tại trường bao gồm: Điểm danh khi đến trường; Giám sát an ninh khi học tập, vui chơi tại trường; Báo động an toàn khi có các sự cố xảy ra trong trường học.

- Xây dựng cổng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ công mức độ 3, 4 nhằm đơn giản hóa việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến giáo dục phục vụ người dân và xã hội, cụ thể gồm:

+ Xây dựng cổng dịch vụ công trực tuyến của Phòng GD&ĐT;

+ Kết nối, tích hợp với cổng dịch vụ công trực tuyến của UBND thành phố và Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT qua đó tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhằm tin học hoá các thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng hệ thống quản lý người dùng tập trung theo hướng đăng nhập một lần sử dụng chung các hệ thống (Single Sign On) đáp ứng các yêu cầu:

+ Quản lý tập trung tài khoản người dùng của các hệ thống CNTT thuộc phạm vi quản lý của Phòng GD&ĐT.

+ Tích hợp được đối với các hệ thống cài đặt trên các hệ điều hành và được xây dựng trên các nền tảng công nghệ khác nhau.

- Triển khai hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng GV tạo cơ sở tuyển sinh và đào tạo GV phù hợp với nhu cầu của các cấp học trên địa bàn.

- Triển khai hệ thống tập huấn, bồi dưỡng GV qua mạng nhằm thường xuyên nâng cao năng lực của các cán bộ, GV phù hợp với yêu cầu và chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và của UBND tỉnh.

3.6. Tăng cường xã hội hoá giáo dục. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình và xã hội trong thực hiện xây dựng trường học thông minh gắn với dạy học song ngữ:

* *Mục tiêu:* Huy động tất cả các nguồn lực cùng chăm lo cho giáo dục.

* *Giải pháp:*

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn, văn phòng HĐND&UBND và các ban xây dựng Đảng của thành phố Đồng Xoài, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, với chính quyền địa phương trong xây dựng THPT gắn với DHSN.

- Bên cạnh đầu tư công, kêu gọi sự tham gia của các công ty, doanh nghiệp, phát triển giáo dục dân lập trên địa bàn thông qua chính sách thu hút, mời gọi đầu tư. Thu hút và lựa chọn các nhà đầu tư giáo dục có uy tín, tăng cường kêu gọi xã hội hoá đầu tư xây dựng các trường dân lập cấp Tiểu học, THCS và THPT.

3.7. Đề xuất một số cơ chế, chính sách đặc thù cho ngành GD&ĐT:

3.7.1. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hoạt động của các trường học theo số lớp, số HS để các trường chủ động hợp đồng GV theo Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính Phủ nhằm đảm bảo đủ GV đứng lớp trong điều kiện không được tăng biên chế như hiện nay.

3.7.2. Phối hợp với Sở GD&ĐT tham mưu UBND Tỉnh đồng ý chính sách hỗ trợ đối với GV DHSN Anh - Việt: 01 tiết DHSN Anh - Việt được tính bằng 1,5 tiết dạy thuần Việt.

3.7.3. Tham mưu UBND tỉnh để thành phố Đồng Xoài áp dụng cơ chế thu hút tuyển dụng người giỏi, người đủ năng lực dạy học trong THPT và DHSN. Cụ thể dành biên chế dự phòng (GV nghỉ hưu hoặc chuyển công tác) để tuyển dụng GV tốt nghiệp Đại học sư phạm loại Giỏi, Khá và đạt trình độ IELTS 5.5 (hoặc tương đương) trở lên, đồng thời có chính sách thu hút 100 triệu đồng/người (bằng kinh phí bồi dưỡng 01 GV dạy song ngữ theo kế hoạch của tỉnh).

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KHÁI TOÁN KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Khái toán kinh phí thực hiện Đề án:

Tổng kinh phí dự kiến (đến hết năm 2025): **402.136.000.000** đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ hai tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn*).

Trong đó:

- *Về các hạng mục chi:*

+ Chi phí xây lắp, mua sắm thiết bị: **390.827.375.736** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm chín mươi tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm ba mươi sáu đồng*).

+ Chi phí đào tạo, bồi dưỡng GV: **11.108.200.000** đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ, một trăm lẻ tám triệu, hai trăm đồng chẵn*).

+ Chi phí khảo sát thực trạng, xây dựng đề án (0,05% tổng kinh phí triển khai đề án): khảo sát, xây dựng đề án: **200.424.264** đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu, bốn trăm hai mươi tư ngàn, hai trăm sáu mươi tư đồng*)

2. Dự kiến nguồn kinh phí:

*** Kinh phí tỉnh:**

- Đầu tư theo Đề án xây dựng hệ thống THPTM giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; dự kiến đầu tư 15 trường (02 trường Mầm non, 07 trường Tiểu học và 06 trường THPT). Kinh phí: **144.073.769.800** đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, tám trăm đồng chẵn*)

- Bồi dưỡng giáo viên dạy học song ngữ: dự kiến 5 năm tỉnh sẽ bồi dưỡng cho Đồng Xoài 50 GV dạy học song ngữ. Kinh phí: **5.304.100.000** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, ba trăm lẻ bốn triệu, một trăm ngàn đồng chẵn*)

Tổng kinh phí tỉnh đầu tư giai đoạn 2021 - 2025: **149.377.869.800** đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn, tám trăm đồng chẵn*).

*** Kinh phí thành phố:**

- Tổng kinh phí cần: **252.758.130.200** đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, một trăm ba mươi ngàn, hai trăm đồng chẵn*).

- Theo dự kiến thực tế với ước tính hiện tại, kinh phí giai đoạn 2021 - 2025 thành phố có thể đầu tư cho đề án là: **102.758.130.200** đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, một trăm ba mươi ngàn, hai trăm đồng chẵn*).

- Số còn lại: **150.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ*)

3. Các hạng mục đầu tư cụ thể:

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	TỔNG
1	Trang thiết bị tối thiểu của THPTM	Mầm non: 06 trường	6.720.060.000	40.320.360.000	221.336.182.800
		Tiểu học: 12 trường	10.076.434.600	120.917.215.200	
		THCS: 06 trường	10.016.434.600	60.098.607.600	

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	TỔNG
2	Phòng học thông minh (30%)	Mầm non: 40 phòng	735.920.000	29.436.800.000	57.655.752.936
		Tiểu học: 136 phòng	414.984.600	56.437.905.600	
		THCS: 67 phòng	414.984.600	27.803.968.200	
3	Hệ thống thẻ chất thông minh cho trường mầm non	04 phòng	450.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
4	Phòng học tiên tiến (BTT và học liệu học tập, máy chiếu cự li gần, máy tính GV, hệ thống âm thanh...)	Tiểu học: 335 phòng	208.800.000	69.948.000.000	97.718.400.000
		THCS: 113 phòng	208.800.000	27.770.400.000	
5	Phòng điều hành họp trực tuyến tại phòng GD	01 phòng tại phòng GD&ĐT	1.119.540.000		1.119.540.000
6	Máy tính học sinh phục vụ dạy học tin học đảm bảo tỷ lệ	690 cái	16.000.000		11.040.000.000

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	TỔNG
	theo quy định				
7	Máy tính phục vụ hoạt động điều hành của phòng GD&ĐT	09 cái	15.500.000		157.500.000
8	Đào tạo bồi dưỡng CBQL, GV, NV kỹ năng UD CNTT (mỗi năm 100.000.000)	05 năm	100.000.000		500.000.000
9	BD, thu hút GV dạy học song ngữ (mỗi năm 20 GV)	100 GV	106.082.000		10.608.200.000
	Tổng cộng Đề án				401.935.575.736

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố:

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố ban hành Đề án và tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ động đề xuất triển khai thí điểm các thiết bị, giải pháp liên quan đến giáo dục thông minh tại một số cơ sở giáo dục có đủ điều kiện làm cơ sở đánh giá hiệu quả trước khi triển khai nhận rộng trên địa bàn thành phố Đồng Xoài.

- Tham mưu đầu tư cơ sở vật chất trường lớp đảm bảo trang thiết bị tối thiểu gắn với đầu tư trọng tâm, trọng điểm xây dựng THPT, THPT và THCS. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu thực hiện Đề án.

- Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, chủ đầu tư dự án trang thiết bị dạy học thông minh và THCS trên địa bàn thành phố sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo, hướng dẫn trường học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THPT trên địa bàn thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng THPT, THPT và THCS phù hợp với đặc điểm của từng trường.

- Hướng dẫn thực hiện huy động các nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ thực hiện Đề án và phê duyệt kế hoạch vận động, tài trợ đầu tư cho giáo dục trên cơ sở đề xuất của các trường học theo thẩm quyền.

- Hướng dẫn, quy định chế độ tiết dạy đối với giáo viên THCS theo quy định của ngành giáo dục và theo thẩm quyền.

2. Văn phòng UBND và UBND thành phố:

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu UBND thành phố ban hành Đề án và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng THPT, THPT và THCS.

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu UBND thành phố xem xét tích hợp những nội dung phù hợp THPT, THPT và THCS vào Trung tâm điều hành đô thị thông minh của thành phố.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố:

- Tham mưu UBND thành phố huy động nguồn lực và bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT và các đơn vị liên quan thẩm định các nội dung liên quan đến nguồn vốn thực hiện Đề án.

4. Phòng Quản lý đô thị thành phố: Chủ trì phối hợp với phòng GD&ĐT và các cơ quan đơn vị liên quan khi thẩm định các dự án xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học phải đảm bảo các yêu cầu và tính đến các yếu tố đầu tư xây dựng THPT, THPT và THCS phù hợp với Đề án.

5. Ban Quản lý các dự án thành phố: Khi tham mưu xây dựng các công trình trường học cần phối hợp chặt chẽ với Phòng GD&ĐT thành phố; các trường học và các đơn vị liên quan để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và tính toán thiết kế gắn với xây dựng THPT, THPT và THCS phù hợp với Đề án.

6. Phòng Nội vụ thành phố: Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu UBND thành phố bố trí đủ GV giảng dạy tại các trường mầm non, tiểu học, THPT. Trong đó phải đảm bảo đủ GV môn Tin học và môn Tiếng Anh để làm cơ sở thực hiện Đề án THPT, THPT và THCS; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu thực hiện Đề án.

7. Phòng Kinh tế thành phố: Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu UBND thành phố chỉ đạo thực hiện những nội dung liên quan đến ứng CNTT của thành phố có phù hợp và kết nối với THPT, THPT.

8. Đài Truyền Thanh và Truyền hình thành phố:

- Phối hợp thực hiện việc tuyên truyền thông tin của Đề án về mục đích, ý nghĩa và kết quả đạt được đến mọi tầng lớp nhân dân.
- Mở các chuyên mục, chuyên trang về giáo dục thông minh, đặc biệt là các nội dung liên quan đến dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, kỹ năng tiếp cận, sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến.

9. UBND các phường, xã:

- Phối hợp với phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường triển khai thực hiện Đề án THPT, THPTM và DHTN.
- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của phường, xã phối hợp, hỗ trợ tuyên truyền xây dựng THPT, THPTM và DHTN.
- Đối với những phường, xã được giao chủ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học cần phối hợp chặt chẽ với Phòng GD&ĐT, các phòng, ban chuyên môn có liên quan và các trường học, để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và tính toán thiết kế gắn với xây dựng THPT, THPTM và DHTN phù hợp với Đề án.

10. Đề nghị UBNDTTQ, các tổ chức đoàn thể

Tăng cường tuyên truyền, vận động, phối hợp với ngành GD&ĐT triển khai thực hiện Đề án xây dựng THPT, THPTM và DHTN trên địa bàn thành phố.

11. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Đề án đến toàn thể đội ngũ GV, NV, HTS và cha mẹ HTS.
- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng THPT, THPTM và DHTN phù hợp với đặc điểm nhà trường.
- Tăng cường huy động các nguồn lực, nhất là huy động xã hội hóa để xây dựng THPT, THPTM và DHTN.